

KẾT QUẢ DỰ THI TUYỂN CHUYÊN KHOA II KHÓA 31 - NĂM 2017

TT	TT CN	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành dự thi	Số báo danh	KẾT QUẢ THI	
						C. ngành	N. ngữ
1	1	Sử Thị Mỹ Hà	28/07/1981	Chẩn đoán hình ảnh	y17cdha2006	7.75	78.90
2	2	Nguyễn Thị Tố Ngân	11.07.1986	Chẩn đoán hình ảnh	y17cdha2013	7.58	Miễn thi
3	3	Trịnh Hà Châu	01/06/1984	Chẩn đoán hình ảnh	y17cdha2003	7.42	Miễn thi
4	4	Lê Thị My	15/04/1987	Chẩn đoán hình ảnh	y17cdha2012	7.08	Miễn thi
5	5	Nguyễn Thanh Thủy	03/10/1987	Chẩn đoán hình ảnh	y17cdha2015	7.00	Miễn thi
6	6	Đoàn Thị Huệ	15/04/1976	Chẩn đoán hình ảnh	y17cdha2007	7.00	73.30
7	7	Lê Đình Công	14/06/1972	Chẩn đoán hình ảnh	y17cdha2004	6.75	76.70
8	8	Lê Hồng Kỳ	21/05/1976	Chẩn đoán hình ảnh	y17cdha2009	6.58	74.40
9	9	Lê Nguyệt Minh	11/10/1985	Chẩn đoán hình ảnh	y17cdha2011	6.50	Miễn thi
10	10	Nguyễn Hoàng Sâm	20/10/1971	Chẩn đoán hình ảnh	y17cdha2014	6.42	71.10
11	11	Ngô Quang Định	17/04/1984	Chẩn đoán hình ảnh	y17cdha2005	5.92	Miễn thi
12	12	Nguyễn Thị Loan	04/09/1969	Chẩn đoán hình ảnh	y17cdha2010	4.25	72.20
13	1	Phương Quỳnh Hoa	15/12/1983	Da liễu	y17dalieu2003	9.25	84.40
14	2	Nguyễn Tiến Thành	30/03/1986	Da liễu	y17dalieu2005	7.50	Miễn thi
15	3	Dương Thị Hằng	28/11/1984	Da liễu	y17dalieu2002	7.25	87.80
16	4	Phạm Thị Thu Hà	20/01/1976	Da liễu	y17dalieu2001	6.92	Miễn thi
17	5	Hoàng Thị Ngọc Lý	19/11/1980	Da liễu	y17dalieu2004	6.83	83.30
18	6	Trương Quang Vũ	13/09/1972	Da liễu	y17dalieu2006	5.50	76.70
19	1	Trần Thị Mùi	11/02/1980	Dị ứng	y17diung2001	9.17	77.80
20	1	Trương Như Khánh	30/10/1974	Gây mê hồi sức	y17gmhs2003	7.17	90.00
21	2	Phạm Văn Phúc	01/01/1983	Gây mê hồi sức	y17gmhs2006	6.67	76.70
22	3	Nguyễn Trung Hiếu	25/01/1980	Gây mê hồi sức	y17gmhs2002	6.58	Miễn thi
23	4	Đỗ Danh Quỳnh	07/10/1961	Gây mê hồi sức	y17gmhs2007	6.58	82.20
24	5	Đỗ Anh Minh	06/02/1975	Gây mê hồi sức	y17gmhs2004	6.58	77.80
25	6	Dương Đức Phúc	02/05/1977	Gây mê hồi sức	y17gmhs2005	6.25	73.30
26	7	Phạm Anh Tuấn	21/11/1973	Gây mê hồi sức	y17gmhs2012	6.17	81.10
27	8	Bạch Minh Thu	02/03/1969	Gây mê hồi sức	y17gmhs2009	5.92	61.10
28	9	Phạm Thị Anh Tú	25/09/1980	Gây mê hồi sức	y17gmhs2011	5.83	Miễn thi
29	10	Nguyễn Văn Trường	04/04/1978	Gây mê hồi sức	y17gmhs2010	5.67	67.80
30	11	Lục Tiến Chung	09/05/1978	Gây mê hồi sức	y17gmhs2001	5.75	46.70
31	12	Mai Đức Thắng	26/08/1983	Gây mê hồi sức	y17gmhs2008	5.42	46.70
32	1	Nguyễn Thị Minh Thúc	30/05/1985	Giải phẫu bệnh	y17gpb2003	8.50	Miễn thi
33	2	Đào Thị Luận	13/01/1986	Giải phẫu bệnh	y17gpb2002	8.42	81.10
34	3	Phạm Tiến Lục	01/08/1979	Giải phẫu bệnh	y17gpb2001	8.08	Miễn thi
35	4	Nguyễn Tài Tiến	21/09/1979	Giải phẫu bệnh	y17gpb2004	7.75	Miễn thi
36	1	Nguyễn Thị Mai Phương	01/11/1985	Hóa sinh	y17hs2004	7.42	Miễn thi
37	2	Lê Thu Hà	01/05/1968	Hóa sinh	y17hs2002	6.33	82.20
38	3	Nguyễn Thanh Bình	25/10/1979	Hóa sinh	y17hs2001	6.33	73.30
39	4	Nhữ Thị Ngọc	08/05/1979	Hóa sinh	y17hs2003	5.33	Miễn thi
40	1	Đỗ Trọng Nam	04/01/1974	Hồi sức cấp cứu	y17hscc2006	8.92	Miễn thi
41	2	Nguyễn Thị Bích Thủy	23/02/1975	Hồi sức cấp cứu	y17hscc2008	8.00	80.00
42	3	Lê Hồng Đăng	22/02/1980	Hồi sức cấp cứu	y17hscc2002	7.92	Miễn thi
43	4	Trần Hùng Mạnh	01/01/1967	Hồi sức cấp cứu	y17hscc2005	7.83	Miễn thi
44	5	Nguyễn Trung Cấp	28/05/1970	Hồi sức cấp cứu	y17hscc2001	7.25	57.80
45	6	Trịnh Xuân Nam	02/09/1969	Hồi sức cấp cứu	y17hscc2007	6.92	Miễn thi
46	7	Tạ Huy Kiên	19/07/1983	Hồi sức cấp cứu	y17hscc2004	6.42	Miễn thi
47	1	Nguyễn Lan Phương	07/09/1977	Huyết học - Truyền máu	y17hhtm2001	7.08	83.30
48	1	Cung Văn Tấn	17/08/1980	Lao	y17lao2001	9.58	85.60
49	1	Bùi Hoàng Thảo	02/04/1983	Ngoại khoa	y17ngoai2023	8.25	82.20

TT	TT CN	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành dự thi	Số báo danh	KẾT QUẢ THI	
						C. ngành	N. ngữ
50	2	Phạm Hải Bằng	16/02/1967	Ngoại khoa	y17ngoai2007	8.25	74.40
51	3	Trịnh Minh Thanh	19/05/1968	Ngoại thận - Tiết niệu	y17ngoai2034	8.08	81.10
52	4	Mẫn Văn Chung	22/01/1987	Ngoại khoa	y17ngoai2009	7.58	Miễn thi
53	5	Dương Tất Linh	11/10/1980	Ngoại khoa	y17ngoai2019	7.50	87.80
54	6	Triệu Văn Trường	30/10/1977	Ngoại khoa	y17ngoai2029	7.42	Miễn thi
55	7	Phạm Thị Thanh Huyền	25/10/1978	Ngoại khoa	y17ngoai2016	7.42	81.10
56	8	Vũ Quang Nghĩa	04/09/1982	Ngoại CTCH	y17ngoai2005	7.42	67.80
57	9	Phạm Trường Giang	11/07/1975	Ngoại Khoa	y17ngoai2013	7.25	Miễn thi
58	10	Vũ Trường Thịnh	03/11/1988	Ngoại khoa	y17ngoai2025	7.17	Miễn thi
59	11	Vũ Anh Tuấn	08/06/1978	Ngoại khoa	y17ngoai2031	7.00	Miễn thi
60	12	Đỗ Văn Kỳ	07/03/1973	Ngoại khoa	y17ngoai2018	7.00	82.20
61	13	Bùi Đức Thảo	15/01/1979	Ngoại khoa	y17ngoai2022	6.83	Miễn thi
62	14	Nguyễn Minh Tuấn	24/09/1982	Ngoại khoa	y17ngoai2030	6.83	Miễn thi
63	15	Lâm Thiên Thuần	10/09/1978	Ngoại khoa	y17ngoai2026	6.75	Miễn thi
64	16	Nguyễn Sĩ Khánh	04/09/1978	Ngoại khoa	y17ngoai2017	6.50	Miễn thi
65	17	Bùi Đức Duy	06/11/1983	Ngoại khoa	y17ngoai2012	6.50	80.00
66	18	Vũ Văn Cường	18/07/1987	Ngoại CTCH	y17ngoai2002	6.25	Miễn thi
67	19	Nguyễn Đức Thành	04/01/1985	Ngoại khoa	y17ngoai2021	6.17	66.70
68	20	Vũ Mạnh Cường	10/09/1978	Ngoại khoa	y17ngoai2010	6.08	Miễn thi
69	21	Nguyễn Hoàng Hà	10/11/1968	Ngoại khoa	y17ngoai2014	6.08	81.10
70	22	Đào Mạnh Cường	03/04/1978	Ngoại thận - Tiết niệu	y17ngoai2033	6.08	56.70
71	23	Trần Quang Trịnh	05/03/1974	Ngoại khoa	y17ngoai2028	6.00	Miễn thi
72	24	Đào Đức Phin	15/05/1978	Ngoại thận và tiết niệu	y17ngoai2035	6.00	80.00
73	25	Bùi Hải Bằng	03/05/1966	Ngoại CTCH	y17ngoai2001	5.83	Miễn thi
74	26	Nguyễn Thanh Hải	15/05/1985	Ngoại khoa	y17ngoai2015	5.75	Miễn thi
75	27	Nguyễn Mạnh Tiến	23/07/1985	Ngoại khoa	y17ngoai2027	5.75	65.60
76	28	Nguyễn Quang Thành	08/04/1981	Ngoại TKSNN	y17ngoai2039	5.42	Miễn thi
77	29	Trương Trung Văn	02/08/1975	Ngoại khoa	y17ngoai2032	5.33	Miễn thi
78	30	Nguyễn Ngọc Diễm	19/03/1977	Ngoại CTCH	y17ngoai2003	5.08	Miễn thi
79	31	Trần Thụy Anh	15.09.1969	Ngoại khoa	y17ngoai2006	4.67	Miễn thi
80	1	Đào Thu Huyền	23/05/1979	Nhân khoa	y17nk2005	7.58	Miễn thi
81	2	Lê Mạnh Đức	26/10/1978	Nhân khoa	y17nk2001	7.33	85.60
82	3	Trần Thị Minh Tân	10/02/1976	Nhân khoa	y17nk2009	7.25	60.00
83	4	Hoàng Sơn	22/09/1977	Nhân khoa	y17nk2008	7.17	Miễn thi
84	5	Hoàng Mạnh Hùng	30/09/1978	Nhân Khoa	y17nk2004	7.08	81.10
85	6	Trần Thị Thuý Hồng	18/10/1976	Nhân khoa	y17nk2003	6.92	Miễn thi
86	7	Hoàng Thị Lan	20/05/1971	Nhân khoa	y17nk2006	6.83	Miễn thi
87	8	Ninh Thị Loan	29/10/1973	Nhân khoa	y17nk2007	6.83	Miễn thi
88	9	Nguyễn Mạnh Hải	10/01/1980	Nhân khoa	y17nk2002	6.42	76.70
89	1	Đặng Thúy Hà	18/08/1982	Nhi khoa	y17nhi2005	8.75	Miễn thi
90	2	Lê Thanh Chương	20/10/1980	Nhi khoa	y17nhi2001	8.25	92.20
91	3	Lã Thị Bích Hồng	08/03/1983	Nhi khoa	y17nhi2010	7.92	82.20
92	4	Nguyễn Quế Phương	25/12/1971	Nhi khoa	y17nhi2017	7.58	90.00
93	5	Nguyễn Hữu Lĩnh	12/12/1983	Nhi khoa	y17nhi2012	7.42	83.30
94	6	Tuấn Thị Minh Tâm	21/11/1981	Nhi khoa	y17nhi2018	7.17	81.10
95	7	Đỗ Mạnh Dũng	28/03/1979	Nhi khoa	y17nhi2003	7.08	74.40
96	8	Ngô Thị Hiếu Minh	02/05/1979	Nhi khoa	y17nhi2013	6.67	Miễn thi
97	9	Phạm Ngọc Mười	05/10/1982	Nhi khoa	y17nhi2014	6.67	Miễn thi
98	10	Phạm Anh Tuấn	15/11/1981	Nhi khoa	y17nhi2020	6.67	74.40
99	11	Nguyễn Thị Thùy Dương	14/11/1979	Nhi khoa	y17nhi2004	6.58	Miễn thi
100	12	Trịnh Thị Thu Hà	30/06/1974	Nhi khoa	y17nhi2006	6.58	Miễn thi
101	13	Phan Thanh Hoài	03/11/1980	Nhi khoa	y17nhi2009	6.42	Miễn thi
102	14	Bùi Phương Nhung	28/08/1978	Nhi khoa	y17nhi2016	6.42	80.00

TT	TT CN	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành dự thi	Số báo danh	KẾT QUẢ THI	
						C. ngành	N. ngữ
103	15	Phạm Thị Lam Liên	05/09/1981	Nhi khoa	y17nhi2011	6.25	Miễn thi
104	16	Phó Đức Thúy	02/01/1975	Nhi khoa	y17nhi2019	6.00	76.70
105	17	Nguyễn Thị Nga	02/09/1971	Nhi khoa	y17nhi2015	5.67	Miễn thi
106	18	Phạm Thị Như Hoa	02/10/1976	Nhi khoa	y17nhi2008	5.42	64.40
107	19	Hồ Sỹ Công	26/05/1976	Nhi khoa	y17nhi2002	5.00	70.00
108	1	Đoàn Hoài Linh	16/12/1980	Nội Tiêu hóa	y17noi2018	7.83	86.70
109	2	Vũ Bích Thảo	18/10/1983	Nội Tiêu hóa	y17noi2019	7.25	Miễn thi
110	3	Phạm Quang Huy	19/11/1978	Lão khoa	y17lk2004	7.08	Miễn thi
111	4	Ngô Quang Chiến	07/10/1981	Nội Tiêu hóa	y17noi2003	6.92	Miễn thi
112	5	Nguyễn Thị Huyền	28/01/1980	Nội Thận tiết niệu	y17noi2013	6.83	Miễn thi
113	6	Lại Thanh Hà	18/12/1971	Lão khoa	y17lk2002	6.83	77.80
114	7	Lê Thị Phương Huệ	03/11/1982	Nội Nội tiết	y17noi2012	6.75	78.90
115	8	Nguyễn Thị Phương Thảo	02/07/1977	Lão khoa	y17lk2006	6.75	75.60
116	9	Nguyễn Thị Hồng Loan	22/12/1973	Nội Nội tiết	y17noi2014	6.75	73.30
117	10	Nguyễn Thị Thủy	21/08/1984	Nội Thận tiết niệu	y17noi2010	6.67	Miễn thi
118	11	Hồ Hà Linh	30/08/1982	Nội Thận tiết niệu	y17noi2007	6.58	75.60
119	12	Hà Quốc Hùng	15/04/1970	Lão khoa	y17lk2003	6.50	Miễn thi
120	13	Vũ Huy Hiền	14/10/1982	Nội Tiêu hóa	y17noi2016	6.42	56.70
121	14	Lê Thanh Chung	08/10/1975	Nội Thận tiết niệu	y17noi2005	6.25	77.80
122	15	Đặng Thị Hòa	09/02/1975	Nội Tiêu hóa	y17noi2017	6.17	Miễn thi
123	16	Triệu Quang Túy	25/03/1973	Nội Cơ Xương Khớp	y17noi2021	6.17	68.90
124	17	Đinh Thị Thu Phương	12/08/1983	Nội Thận tiết niệu	y17noi2008	6.00	Miễn thi
125	18	Phạm Tuấn Dương	25/08/1978	Nội Nội tiết	y17noi2011	5.83	Miễn thi
126	19	Nguyễn Đăng Quốc	09/08/1980	Nội Thận tiết niệu	y17noi2009	5.83	74.40
127	20	Nguyễn Công Tuấn	11/12/1977	Nội Hô hấp	y17noi2002	5.75	77.80
128	21	Nguyễn Viết Chiến	02/11/1971	Nội Nội tiết	y17noi2004	5.58	Miễn thi
129	22	Nguyễn Thị Thu Anh	15/08/1976	Nội Hô hấp	y17noi2001	5.50	Miễn thi
130	23	Hà Thiêm Đông	05/01/1979	Nội Cơ Xương Khớp	y17noi2020	5.42	Miễn thi
131	24	Ngô Đức Hợp	20/04/1974	Nội Cơ Xương Khớp	y17noi2006	3.83	Miễn thi
132	1	Bùi Thị Hồng Thúy	13/10/1979	Phục hồi chức năng	y17phcn2006	8.92	84.40
133	2	Nguyễn Đức Minh	04/08/1975	Phục hồi chức năng	y17phcn2004	8.83	Miễn thi
134	3	Nguyễn Thị Thanh Huyền	01/12/1973	Phục hồi chức năng	y17phcn2003	8.25	86.70
135	4	Nguyễn Quang Anh	04/10/1974	Phục hồi chức năng	y17phcn2001	7.92	61.10
136	5	Ninh Thị Bích Hợp	01/03/1975	Phục hồi chức năng	y17phcn2002	6.58	71.10
137	6	Nguyễn Thanh Quyền	29/03/1966	Phục hồi chức năng	y17phcn2005	7.67	31.10
138	1	Nguyễn Hoài Lê	20/11/1973	Quản lý Y tế	y17qlyt2001	8.17	Miễn thi
139	1	Nguyễn Thị Ngọc Lan	07/09/1981	Răng Hàm Mặt	y17rhm2003	6.63	88.90
140	2	Dương Văn Tú	22/08/1987	Răng Hàm Mặt	y17rhm2005	5.63	Miễn thi
141	3	Nguyễn Quang Điện	02/09/1980	Răng Hàm Mặt	y17rhm2001	5.13	Miễn thi
142	4	Nguyễn Thế Hưng	14/01/1983	Răng Hàm Mặt	y17rhm2002	4.67	Miễn thi
143	5	Vũ Khánh Toàn	28/11/1971	Răng Hàm Mặt	y17rhm2004	3.50	Miễn thi
144	1	Trần Thị Thanh Hồng	12/05/1978	Sân phụ khoa	y17san2009	7.42	Miễn thi
145	2	Ngô Phan Thanh Thúy	21/06/1987	Sân Phụ khoa	y17san2022	7.42	81.10
146	3	Trương Quốc Việt	05/08/1986	Sân Phụ khoa	y17san2030	7.08	85.60
147	4	Đỗ Xuân Hai	12/03/1985	Sân phụ khoa	y17san2006	7.08	82.20
148	5	Đỗ Thị Hằng Nga	10/03/1985	Sân Phụ khoa	y17san2015	7.08	82.20
149	6	Nguyễn Trần Chung	31/05/1982	Sân Phụ khoa	y17san2003	6.83	86.70
150	7	Đặng Quang Hùng	29/07/1978	Sân Phụ khoa	y17san2010	6.83	77.80
151	8	Phạm Thị Vạn Xuân	06/02/1975	Sân Phụ khoa	y17san2032	6.75	87.80
152	9	Vương Thị Vui	01/12/1985	Sân Phụ khoa	y17san2031	6.75	81.10
153	10	Kiều Thị Thanh	19/09/1980	Sân Phụ khoa	y17san2020	6.67	Miễn thi
154	11	Bùi Quang Trung	11/12/1980	Sân Phụ khoa	y17san2027	6.67	Miễn thi
155	12	Phạm Duy Duẩn	10/07/1982	Sân Phụ khoa	y17san2005	6.67	78.90

TT	TT CN	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành dự thi	Số báo danh	KẾT QUẢ THI	
						C. ngành	N. ngữ
156	13	Nguyễn Biên Thùy	10/01/1979	Sân Phụ khoa	y17san2023	6.58	91.10
157	14	Đoàn Thị Thu Trang	27/10/1986	Sân Phụ khoa	y17san2024	6.50	84.40
158	15	Nguyễn Thanh Tuấn	27/07/1985	Sân Phụ khoa	y17san2029	6.50	84.40
159	16	Lê Thị Thu Hương	15/05/1980	Sân phụ khoa	y17san2011	6.17	Miễn thi
160	17	Phan Thị Thu Nga	05/07/1976	Sân Phụ khoa	y17san2016	6.17	Miễn thi
161	18	Đặng Anh Bắc	18/09/1983	Sân Phụ khoa	y17san2001	6.08	Miễn thi
162	19	Trần Khánh Hoa	24/07/1980	Sân Phụ khoa	y17san2008	6.08	Miễn thi
163	20	Trần Thị Tâm	14/02/1972	Sân Phụ khoa	y17san2019	6.08	Miễn thi
164	21	Nguyễn Văn Nam	05/11/1975	Sân Phụ khoa	y17san2014	6.00	Miễn thi
165	22	Nguyễn Thị Minh Thanh	23/12/1980	Sân Phụ khoa	y17san2025	6.00	Miễn thi
166	23	Nguyễn Đức Tú	14/04/1973	Sân phụ khoa	y17san2028	5.92	Miễn thi
167	24	Đinh Huy Cường	16/04/1982	Sân Phụ khoa	y17san2004	5.92	77.80
168	25	Nguyễn Thị Ngọc Bích	04/07/1976	Sân Phụ khoa	y17san2002	5.75	Miễn thi
169	26	Nguyễn Thùy Trang	15/08/1979	Sân Phụ khoa	y17san2026	5.75	84.40
170	27	Lê Minh Hải	24/08/1978	Sân phụ khoa	y17san2007	5.58	Miễn thi
171	28	Ngô Hồng Quảng	16/11/1972	Sân Phụ khoa	y17san2018	5.33	73.30
172	29	Nguyễn Thị Thu	26/04/1977	Sân phụ khoa	y17san2021	4.75	71.10
173	30	Trương Minh Phương	13/09/1980	Sân Phụ khoa	y17san2017	6.42	45.60
174	1	Phạm Trung Kiên	10/09/1978	Tai Mũi Họng	y17tmh2010	8.17	83.30
175	2	Nguyễn Thị Linh Chi	26/07/1981	Tai Mũi Họng	y17tmh2001	8.00	86.70
176	3	Phạm Văn Hữu	30/10/1980	Tai Mũi Họng	y17tmh2009	7.92	Miễn thi
177	4	Đoàn Trung Hiếu	03/01/1978	Tai Mũi Họng	y17tmh2007	7.58	67.80
178	5	Trần Linh Giang	21/06/1981	Tai Mũi Họng	y17tmh2005	7.42	Miễn thi
179	6	Hoàng Xuân Hải	10/04/1981	Tai Mũi Họng	y17tmh2006	6.83	Miễn thi
180	7	Đoàn Quốc Việt	18/07/1980	Tai Mũi Họng	y17tmh2011	6.75	73.30
181	8	Cung Đình Hoàn	16/09/1981	Tai Mũi Họng	y17tmh2008	6.33	Miễn thi
182	9	Phạm Văn Đức	12/02/1982	Tai Mũi Họng	y17tmh2003	6.00	83.30
183	10	Nguyễn Quốc Dũng	30/08/1971	Tai Mũi Họng	y17tmh2004	5.92	Miễn thi
184	11	Lê Đức Đông	13/05/1970	Tai Mũi Họng	y17tmh2002	5.83	Miễn thi
185	1	Nguyễn Thị Huyền	04/09/1975	Tâm thần	y17tt2003	8.33	63.30
186	2	Ngô Thị Thanh Hòa	08/10/1978	Tâm thần	y17tt2002	7.67	82.20
187	3	Trần Thị Thu Phương	22/01/1981	Tâm thần	y17tt2004	7.67	78.90
188	4	Nguyễn Thị Hải	06/01/1969	Tâm thần	y17tt2001	7.00	61.10
189	5	Lê Thị Thúy	28/07/1973	Tâm thần	y17tt2005	6.33	65.60
190	1	Nguyễn Văn Long	15/07/1976	Thần kinh	y17tk2003	8.67	Miễn thi
191	2	Nguyễn Thị Thanh Bình	02/09/1982	Thần kinh	y17tk2001	8.58	86.70
192	3	Nguyễn Đức Mạnh	19/11/1980	Thần kinh	y17tk2006	8.50	67.80
193	4	Phạm Hồng Long	15/11/1974	Thần kinh	y17tk2004	8.42	Miễn thi
194	5	Phạm Thị Hải Lý	28/08/1972	Thần kinh	y17tk2005	8.17	62.20
195	6	Nguyễn Xuân Huyền	19/07/1975	Thần kinh	y17tk2002	7.33	72.20
196	7	Đoàn Văn Phúc	24/09/1978	Thần kinh	y17tk2007	7.25	Miễn thi
197	1	Trương Hữu Hoài	21/10/1973	Truyền nhiễm	y17tn2001	8.33	61.10
198	2	Nguyễn Mạnh Tuấn	04/03/1969	Truyền nhiễm	y17tn2002	7.75	Miễn thi
199	1	Nguyễn Thu Hương	20/09/1975	Ung thư	y17ungthu2009	9.00	85.60
200	2	Nguyễn Đức Huân	10/05/1978	Ung thư	y17ungthu2006	8.92	87.80
201	3	Phạm Thị Bích Liên	12/06/1978	Ung thư	y17ungthu2010	8.92	87.80
202	4	Nguyễn Thị Hương	17/09/1977	Ung thư	y17ungthu2008	8.83	86.70
203	5	Hàn Thị Thanh Bình	14/09/1975	Ung thư	y17ungthu2001	8.83	77.80
204	6	Nguyễn Thanh Bình	01/11/1982	Ung thư	y17ungthu2002	8.58	73.30
205	7	Vũ Thị Thập	16/09/1984	Ung thư	y17ungthu2015	8.42	Miễn thi
206	8	Phạm Thị Quế	07/05/1975	Ung thư	y17ungthu2013	8.42	77.80
207	9	Hoàng Thị Minh Nguyệt	12/09/1972	Ung thư	y17ungthu2012	8.33	Miễn thi
208	10	Nguyễn Mạnh Tuấn	12/03/1985	Ung thư	y17ungthu2016	8.33	Miễn thi

TT	TT CN	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành dự thi	Số báo danh	KẾT QUẢ THI	
						C. ngành	N. ngữ
209	11	Hán Thị Bích Hợp	02/07/1978	Ung thư	y17ungthu2005	8.33	58.90
210	12	Phí Thùy Dương	16/08/1975	Ung thư	y17ungthu2003	8.17	Miễn thi
211	13	Nguyễn Danh Hiền	19/12/1970	Ung thư	y17ungthu2004	8.00	56.70
212	14	Nguyễn Diệu Hương	19/07/1974	Ung thư	y17ungthu2007	7.92	83.30
213	15	Nguyễn Thắng Minh	14/06/1976	Ung thư	y17ungthu2011	7.92	74.40
214	16	Vũ Văn Thạch	14/02/1970	Ung thư	y17ungthu2014	8.00	48.90
215	1	Lê Thị Ngân	04/05/1970	Vi sinh	y17vs2001	6.42	Miễn thi
216	2	Nguyễn Sâm	25/07/1976	Vi sinh	y17vs2002	5.83	62.20
217	1	Tôn Thị Tịnh	01/05/1975	Y học cổ truyền	y17yhct2010	8.17	84.40
218	2	Nguyễn Thị Huệ	22/05/1974	Y học cổ truyền	y17yhct2003	7.58	Miễn thi
219	3	Bùi Thị Lệ Ninh	16/08/1972	Y học cổ truyền	y17yhct2006	6.75	92.20
220	4	Lê Thị Thanh	04/10/1979	Y học cổ truyền	y17yhct2012	6.67	Miễn thi
221	5	Hoàng Văn Thắng	17/11/1978	Y học cổ truyền	y17yhct2009	6.50	72.20
222	6	Nguyễn Thị Hồng Liên	26/08/1973	Y học cổ truyền	y17yhct2004	6.17	Miễn thi
223	7	Lê Thị Hương Giang	19/10/1970	Y học cổ truyền	y17yhct2001	5.17	67.80
224	8	Nguyễn Mạnh Toàn	03/09/1976	Y học cổ truyền	y17yhct2011	5.92	48.90
225	1	Đinh Xuân Bình	11/08/1971	Chẩn đoán hình ảnh	y17cdha2001	K thi	Miễn thi
226	2	Hoàng Xuân Bình	23/05/1974	Chẩn đoán hình ảnh	y17cdha2002	K thi	K thi
227	3	Phạm Hữu Khuyến	15/11/1975	Chẩn đoán hình ảnh	y17cdha2008	K thi	K thi
228	4	Nguyễn Ngọc Vinh	19/11/1975	Gây mê hồi sức	y17gmhs2013	K thi	K thi
229	5	Lý Công Hinh	05/11/1975	Hồi sức cấp cứu	y17hscc2003	K thi	K thi
230	6	Trần Minh Tuấn	13/06/1978	Hồi sức cấp cứu	y17hscc2009	K thi	K thi
231	7	Nguyễn Thành Luân	01/10/1983	Ngoại CTCH	y17ngoai2004	K thi	K thi
232	8	Phạm Văn Thịnh	02/02/1977	Ngoại khoa	y17ngoai2024	K thi	Miễn thi
233	9	Chu Thanh Bình	17/01/1977	Ngoại khoa	y17ngoai2008	K thi	K thi
234	10	Nguyễn Việt Dũng	17/10/1970	Ngoại khoa	y17ngoai2011	K thi	K thi
235	11	Hoàng Quỳnh	08/11/1981	Ngoại khoa	y17ngoai2020	K thi	K thi
236	12	Phạm Anh Tuấn	28/10/1980	Ngoại Tiết niệu	y17ngoai2036	K thi	K thi
237	13	Đỗ Văn Mạnh	09/09/1977	Ngoại tiêu hóa	y17ngoai2037	K thi	Miễn thi
238	14	Bùi Văn Ngự	09/01/1974	Ngoại tiêu hóa	y17ngoai2038	K thi	K thi
239	15	Đào Thị Thuý Hằng	05/12/1973	Nhi khoa	y17nhi2007	K thi	K thi
240	16	Trịnh Ngọc Duy	23/06/1984	Lão khoa	y17lk2001	K thi	K thi
241	17	Trần Xuân Thanh	11/11/1965	Lão khoa	y17lk2005	K thi	K thi
242	18	Bùi Quang Hưng	20/09/1976	Nội Tiêu hoá	y17noi2015	K thi	K thi
243	19	Phùng Thị Hải Minh	02/12/1980	Sản Phụ khoa	y17san2013	K thi	Miễn thi
244	20	Nguyễn Văn Lãi	30/10/1976	Sản Phụ khoa	y17san2012	K thi	K thi
245	21	Nguyễn Bá Phong	13/07/1967	Y học cổ truyền	y17yhct2007	K thi	Miễn thi
246	22	Trịnh Thị Mai Phương	06/03/1974	Y học cổ truyền	y17yhct2008	K thi	Miễn thi
247	23	Đặng Thị Hoàng Tuyên	27/06/1969	Y học cổ truyền	y17yhct2013	K thi	Miễn thi
248	24	Lê Văn Hải	10/05/1964	Y học cổ truyền	y17yhct2002	K thi	K thi
249	25	Phan Ngọc Lý	05/01/1971	Y học cổ truyền	y17yhct2005	K thi	K thi
250	26	Vũ Thị Vui	07/10/1967	Y học cổ truyền	y17yhct2014	K thi	K thi

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2017

K. THIỆU TRƯỞNG

P. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Tạ Thành Văn